

Số: /BC-UBND

Bạch Thông, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bạch Thông

Thực hiện Kế hoạch số 445/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. UBND huyện Bạch Thông báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bạch Thông như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng chuyên môn, ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đúng qui định. Kịp thời kiện toàn ban chỉ đạo khi có thay đổi nhân sự, cụ thể hóa hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, đồng bộ, cụ thể như: Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Bạch Thông; Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Bạch Thông; Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 387-QĐ/HU ngày 23/3/2022 của Huyện ủy Bạch Thông về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 09/5/2022 của Ban chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Bạch Thông giai đoạn 2021-2025; Thông báo số 17/TB-BCĐ ngày 15/3/2022 của Ban chỉ đạo về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Bạch Thông giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 13/4/2022 của UBND huyện Bạch Thông về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bạch Thông; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 15/4/2022 về việc thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2022; Kế hoạch 226/KH-UBND ngày 14/9/2022 của UBND huyện Bạch Thông về việc Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bạch Thông giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 17/8/2022 về việc thực hiện chương trình mục tiêu

quốc gia và đề xuất kinh phí năm 2023; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện Bạch Thông về việc thực hiện công tác giảm nghèo năm 2023...

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành từ huyện đến cơ sở đảm bảo tập trung, thống nhất, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng thành viên Ban chỉ đạo xuyên suốt giai đoạn. Thường xuyên, kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, kiện toàn Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia khi có thay đổi nhân sự.

Chỉ đạo 14/14 xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; thành lập Ban phát triển thôn tại các thôn, tổ phố trên địa bàn các xã, thị trấn; phân công thành viên BCD huyện phụ trách xã, thương xuyên phối hợp triển khai thực hiện các nội dung của chương trình. Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo hằng năm; Hướng dẫn thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo thường xuyên và định kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều,

2. Công tác điều hành, phối hợp, thực hiện Chương trình:

Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQGGN trên địa bàn huyện có sự chỉ đạo trực tiếp, chặt chẽ của Trưởng Ban chỉ đạo; các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức triển khai thực hiện nội dung các dự án, tiểu dự án và hoạt động của Chương trình. Bảo đảm các dự án, tiểu dự án được triển khai, thực hiện công khai, lấy ý kiến đề xuất từ cộng đồng dân cư.

3. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên, đồng thời cụ thể hóa hệ thống văn bản chỉ đạo đồng bộ, thống nhất; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG GN giai đoạn 2021-2025; Hằng năm ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên và định kỳ; kế hoạch triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo, giao mục tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho từng đơn vị.

Hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho các đối tượng thụ hưởng, như hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức nhóm tổ cộng đồng; liên kết, tiêu thụ sản phẩm; phát triển các mô hình, dự án liên kết theo tiềm năng, lợi thế, phù hợp với quy hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị thực hiện, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình, qua đó xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so kế hoạch đầu năm.

4. Kết quả hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình

Triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, những mô hình hay, cách làm hiệu quả, giới

thiệu những gương điển hình thoát nghèo tiêu biểu, những hộ gia đình tự nguyện xin thoát nghèo trong cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của người nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng. Đặc biệt quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng thu nhập bền vững cho hộ nghèo. Hướng dẫn các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn phát triển sản xuất; chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ dạy nghề gắn với giải quyết việc làm sau khi được đào tạo.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện được 185 tin, bài, 18 phóng sự, 12 phai âm thanh tiểu phẩm đăng trên cổng thông tin huyện, Đài truyền thanh huyện và Đài truyền thanh truyền hình tỉnh.

5. Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử

Thực hiện nghiêm túc chế độ giám sát của HĐND cấp tỉnh và HĐND cùng cấp trong triển khai thực hiện chương trình. Đồng thời chấp hành và triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát tại cơ sở.

Trong giai đoạn 2021-2023, UBND huyện đã xây dựng 04 báo cáo về công tác rà soát HN,CN, công tác giảm nghèo phục vụ đoàn kiểm tra của tỉnh; huyện tổ chức 42 cuộc kiểm tra tại các xã, thị trấn.

II. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

1. Kết quả huy động nguồn vốn (năm 2021-2023)

- **Tổng kinh phí: 15.700.403 nghìn đồng, trong đó:**

+ Ngân sách trung ương bố trí: 14.695.743 nghìn đồng

+ Ngân sách địa phương bố trí: 1.004.660 nghìn đồng .

2. Mức độ đầy đủ và kịp thời về kinh phí so với nhu cầu để thực hiện từng hoạt động của dự án, tiểu dự án.

Nguồn kinh phí thực hiện các dự án, tiểu dự án được phân bổ đầy đủ, kịp thời, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của cơ sở. Tuy nhiên việc phân bổ nguồn kinh phí thực hiện một số tiểu dự án chưa phù hợp, như Dự án 4, nguồn kinh phí cấp nhiều so với nhu cầu thực tế, nhiều nội dung thuộc dự án không thực hiện được, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư.

Một số tiểu dự án trùng với dự án của Chương trình phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Từ năm 2021-2023 toàn huyện giảm được 4,26% tỷ lệ hộ nghèo, đưa tỉ lệ hộ nghèo chung của toàn huyện từ 20,66 xuống còn 16,40.

+ Tỷ lệ giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn: 8-9%/năm.

2. Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình:

Việc thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình cơ bản được thực hiện đúng theo kế hoạch 5 năm đã đề ra, tuy nhiên việc triển khai tiểu dự án 1- dự án 4 chậm tiến độ và không thực hiện được.

Nguyên nhân của việc chậm tiến độ và không thực hiện được: Số người có nhu cầu học nghề thấp, đăng ký nhiều ngành nghề khác nhau, không đủ số người để mở lớp đào tạo, một số nghề chưa có định mức kinh tế kỹ thuật; Chưa có hướng dẫn cụ thể cho đối tượng người lao động có thu nhập thấp...

Kết quả theo năm cụ thể:

*** Năm 2022**

Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo

Triển khai thực hiện các dự án giảm nghèo tại 07 xã, trong đó 03 xã thực hiện dự án từ nguồn vốn tại quyết định 2725/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh (Duong Phong, Cẩm Giàng, Quỳnh Hà), 04 xã thực hiện dự án từ nguồn vốn Chương trình MTQGGN bền vững năm 2022 (Cao Sơn, Vũ Muộn, Lục Bình, Tân Tú).

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, vùng nghèo vùng khó khăn.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu học nghề từ các xã, thị trấn có 15 người đăng ký học nghề, không đủ học viên để tổ chức lớp học

Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề, đánh giá tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện Bạch Thông, tổ chức tập huấn phương pháp điều tra, khảo sát cho các điều tra viên.

Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo

Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo

Xây dựng 02 phóng sự truyền thông về giảm nghèo.

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát thực hiện chương trình.

Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Tổ chức tập huấn cho Ban quản lý các chương trình mục tiêu các xã, thị trấn, các thành viên Ban phát triển thôn, tổ phố. Các buổi tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp nhằm hỗ trợ cho người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói bảo đảm thực hiện chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Tổ chức 03 lớp tập huấn hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

năm 2022 cho các thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện; Ban chỉ đạo các xã, thị trấn và các điều tra viên các thôn, tổ phố nhằm hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ, thống nhất cách thực thực hiện, nâng cao chất lượng cuộc rà soát năm 2022

*** Năm 2023**

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

* *Tiểu dự án 2:* Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: nguồn vốn phân bổ 5.695.680 đồng:

- Triển khai, thực hiện 08 dự án, cụ thể:

Đơn vị	Tên dự án	Kinh phí phân bổ
UBND xã Mỹ Thanh	Dự án chăn nuôi lợn bản địa sinh sản	500.000.000
UBND xã Lục Bình	Dự án chăn nuôi dê sinh sản	500.000.000
UBND xã Đôn Phong	Dự án trồng nấm	500.000.000
UBND xã Vi Hương	Dự án chăn nuôi trâu sinh sản	500.000.000
UBND xã Vũ Muộn	Dự án chăn nuôi bò sinh sản	619.000.000
	Dự án chăn nuôi dê sinh sản	400.000.000
UBND xã Tân Tú	Dự án chăn nuôi dê sinh sản	400.000.000
UBND xã Quân Hà	Dự án chăn nuôi trâu sinh sản	400.000.000
Tổng cộng		3.819.000.000

Tổ thẩm định của huyện đã tổ chức thẩm định xong 08 dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện, đã phân bổ vốn cho các xã 3.819.000.000 đồng.

Đến thời điểm ngày 31/7/2023: Có 3 dự án đã cấp giống cho dân và Các dự án còn lại đang tiến hành triển khai các bước tiếp theo.

- *Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.*

**Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

Thực hiện 4 dự án/4 xã, thị trấn, gồm 03 dự án chăn nuôi lợn bản địa sinh sản và 01 dự án chăn nuôi vịt hướng trứng; Hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật chăn nuôi, góp

phần tăng thu nhập cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ khác trên địa bàn huyện.

** Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng:*

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 - Cải thiện dinh dưỡng thuộc Dự án 3 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bạch Thông. Đang xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các nội dung hoạt động, chưa triển khai được các hoạt động nên chưa thể đánh giá được tiến độ thực hiện so với chỉ tiêu đề ra.

3.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

** Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

Đã triển khai tuyên truyền về Chương trình, thực hiện khảo sát nhu cầu học nghề tại 14 xã, thị trấn, tổng hợp được 01 lớp với 35 người đăng ký học nghề. Đã ký hợp đồng đặt hàng tổ chức mở lớp đào tạo nghề cho lao động.

** Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.*

Ban hành kế hoạch tuyên truyền phổ biến thông tin thị trường lao động; kế hoạch tổ chức Hội nghị nói chuyện chuyên đề, tư vấn hướng nghiệp cho thanh niên, người lao động trên địa bàn huyện.

3.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

** Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

Ban hành kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ về biên tập, viết tin, bài; kỹ năng khai thác và xử lý thông tin; khai thác trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông về việc biên soạn, sử dụng tài liệu hướng dẫn công tác tập huấn giảm nghèo về thông tin.

Việc sản xuất mới các sản phẩm truyền thông dưới dạng điện tử tuyên truyền về giảm nghèo để phát sóng trên đài truyền thanh cấp xã, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của địa phương, đơn vị chưa thực hiện được trong năm 2022, 2023.

** Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

Ban hành kế hoạch tổ chức Hội nghị đánh giá giữa kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023. Thực hiện một số bài viết chuyên trang, chuyên mục về công tác giảm nghèo, tổ chức hội nghị đối thoại về công tác giảm nghèo năm 2023.

Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã thực hiện được 24 tin và 6 bài tuyên truyền về các chương trình mục

3.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

** Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình*

+ Đã tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho người làm công tác giảm nghèo năm 2023, có 300 đại biểu tham dự Hội nghị.

+ Ban hành kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo

+ Xây dựng kế hoạch đi tham quan, học tập kinh nghiệm cách quản lý điều hành các mô hình, dự án tại một số tỉnh trong nước.

** Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện chương trình*

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác giảm nghèo 6 tháng đầu năm tại 14 xã, thị trấn, thường xuyên đôn đốc các thành viên Ban chỉ đạo kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện công tác giảm nghèo tại đơn vị được phân công phụ trách, yêu cầu các thành viên ban chỉ đạo giảm nghèo huyện chú trọng bám sát việc thực hiện thực hiện các chính sách giảm nghèo; bám sát các kế hoạch của các cấp, các ngành đã được triển khai; căn cứ theo tình hình thực tế các xã, thị trấn thành viên Ban chỉ đạo hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện các chương trình giảm nghèo, qua đó đã đánh giá toàn diện của các kênh tham gia giảm nghèo ở địa phương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người nghèo tiếp cận được các chính sách giảm nghèo...

Đến thời điểm báo cáo một số dự án đã triển khai thực hiện và đang thực hiện thủ tục thanh quyết toán theo quy định.

3. Đánh giá mức độ tham gia, hưởng lợi của các đối tượng thuộc Chương trình

- Sự tham gia của đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia họp tại thôn, lấy ý kiến về nội dung thực hiện chương trình, dự án, khi tham gia dự án đối tượng phải có cam kết thực hiện các nội dung có liên quan, đối ứng một phần kinh phí thực hiện, lựa chọn con giống, cây giống, vật tư cơ bản phù hợp với điều kiện sản xuất của đối tượng tham gia dự án. Các đối tượng tham gia hưởng ứng tích cực, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau thực hiện dự án.

- Mức độ hưởng lợi của đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khi tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, được tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, được hỗ trợ cây giống, con giống, vật tư liên quan và nhiều hộ đã thoát nghèo bền vững.

- Các dự án, mô hình triển khai đã thực hiện đúng đối tượng. Tuy nhiên, do các đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, họ còn nhiều hạn chế về nhận thức, kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi còn hạn chế, nên các dự án triển khai chưa thật sự mang lại hiệu quả cho người dân.

- Nhìn chung, các địa phương đã phát huy được tính dân chủ cơ sở, khuyến khích người dân chủ động tham gia vào công tác lập kế hoạch của chương trình

nhưng mức độ còn hạn chế, chưa nắm rõ nội dung để thực hiện, nhiều lúc mang tính hình thức... Một số nơi, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia họp thôn chủ yếu đến để nghe và hầu như không có đề xuất, ý kiến gì.

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1. Chính sách giảm nghèo thường xuyên.

1.1. Chính sách hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo, cận nghèo (hỗ trợ tín dụng, ưu đãi, dạy nghề, tạo việc làm và xuất khẩu lao động)

+ Triển khai thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề theo quy định, dạy nghề gắn với tạo việc làm đối với lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo. Kết quả giải quyết việc làm cho 2100 lao động, đạt 100% kế hoạch giao, trong đó: Lao động tại các công ty, khu công nghiệp 1850 người; NH CSXH huyện giải ngân vốn vay giải quyết việc làm được 2 tỷ 679 triệu đồng; số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 70 đạt 100% KH giao.

+ Cấp phát 752 cuốn Bản tin thị trường lao động-bảo hiểm thất nghiệp cho các xã, thị trấn. Phối hợp với Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam tổ chức 06 buổi tư vấn tuyển sinh đào tạo nghề năm 2022 tại các xã Cẩm Giàng, Mỹ Thanh, Tân Tú, Vi Hương, Lục Bình, Quân Hà với trên 180 người tham dự; phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức tư vấn lao động việc làm và đào tạo nghề cho trên 700 lượt người lao động, trong đó: 86 thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an trở về địa phương.

+ Ban hành quyết định giao chỉ tiêu giải quyết việc làm, phân bổ chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXHTT, BHYTN cho các xã, thị trấn phấn đấu thực hiện; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 08/3/2023 về việc tổ chức tuyên truyền công tác lao động việc làm; tư vấn tuyển sinh đào tạo nghề, tuyển dụng lao động làm việc tại các doanh nghiệp và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Phấn đấu 100% số hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn sản xuất được xét duyệt cho vay. Đồng thời gắn vay vốn tạo việc làm tại chỗ với hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất để góp phần nâng cao đời sống của người dân.

+ Đánh giá: Chính sách hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo, cận nghèo luôn được các cấp uỷ, chính quyền địa phương quan tâm, tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo được tham gia học nghề; trợ giúp cho lao động có kiến thức cần thiết để tham gia lao động sản xuất, tạo việc làm tại địa phương và tham gia xuất khẩu lao động ở nước ngoài, tăng thu nhập cho gia đình, ổn định cuộc sống.

1.2. Chính sách hỗ trợ về y tế

+ Cấp 22.941 thẻ BHYT, trong đó: 4.032 thẻ BHYT cho người nghèo; 16.960 thẻ BHYT cho người kinh, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

+ Duy trì giám sát, chỉ đạo tại các xã, thị trấn cân và chắm biểu đồ tăng trưởng trẻ dưới 2 tuổi và trẻ suy dinh dưỡng theo đúng định kỳ.

+ Thường xuyên duy trì công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, nói chuyện trực tiếp về các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm tại xã, thị trấn được 30 lượt 259 người dự nghe.

+ Tiếp tục truyền thông giáo dục sức khỏe cho nhân dân bằng các hình thức như tuyên truyền trên sóng phát thanh xã, pa no, băng zôn và truyền thông trực tiếp theo nhóm tại thôn bản.

+ Toàn huyện có 01 Trung tâm y tế và 14 trạm y tế tại các xã, thị trấn, thời điểm hiện tại cả 14 trạm y tế đều đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; Các chương trình quốc gia về y tế, dân số được triển khai có hiệu quả; công tác tiêm chủng cho trẻ em đạt tỷ lệ cao (trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ đạt 93,2%, tiêm vắc xin Sởi – Rubella đạt 85,6%, phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đạt 99,2%; trẻ dưới 5 tuổi được uống Vitamin A đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng 10,4%, suy dinh dưỡng chiều cao 14,9%; Số người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số được khám chữa bệnh BHYT đầy đủ theo quy định.

+ Đánh giá: Là chính sách quan trọng giúp người nghèo được khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, việc lập danh sách đối tượng mua thẻ BHYT ở một số địa phương còn trùng lặp đối tượng, sai sót thông tin về họ và tên, năm sinh... hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tham gia BHYT tự nguyện còn ít.

1.3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

- Việc triển khai chế độ chính sách cho học sinh luôn đến đúng đối tượng; việc thực hiện luôn kịp thời, đảm bảo đúng thời gian quy định; toàn bộ các chế độ chính sách của học sinh đều được giải quyết trong từng học kỳ; kết quả cụ thể trong năm học 2022-2023 đã tham mưu UBND huyện phê duyệt cho học sinh được hưởng các chế độ các chế độ chính sách: Trẻ ăn trưa; chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chính sách hỗ trợ gạo, chính sách hỗ trợ tiền ăn và nhà ở theo nghị định số 116/2016/NĐ-CP; chính sách học bổng cho học sinh khuyết tật; chính sách bán trú theo Nghị quyết 54/NQ-HĐND tỉnh. Cụ thể:

Năm 2022:

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho con em hộ nghèo là 317 học sinh, số kinh phí là : 511.900.000 đôn đồng; Tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo: 1.735 trẻ, số kinh phí là 1.218.000 triệu đồng; Hỗ trợ tiền ăn bán trú cho 947 học sinh, số kinh phí là 2.672.595 triệu đồng.

Năm 2023

+ Chế độ hỗ trợ gạo: HK I năm học 2022-2023 tham mưu, phê duyệt cho 405 học sinh với số lượng gạo: 30.370 kg; HK II năm học 2022-2023, tham mưu, phê duyệt cho 444 học sinh với số lượng gạo: 26.640 kg;

+ Chế độ hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP: HK I năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 411 học sinh; số tiền: 979.824.000 đồng; HK II năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 411 học sinh; số tiền: 1.219.267.000 đồng;

+ Chế độ chi phí học tập: HK I năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 3.487 học sinh; số tiền: 2.091.900.000 đồng; HK II năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 3.440 học sinh; số tiền: 2.579.700.000 đồng;

+ Chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP: HK I năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 1.948 hs; số tiền: 158.923.000 đồng; HK II năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 1.931 hs; số tiền: 195.077.500 đồng;

+ Chế độ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: HK I năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 82 học sinh; số tiền: 389.784.000 đồng; HK II năm học 2022-2023 tổng số được hưởng: 80 học sinh; số tiền: 475.608.000 đồng;

+ Chế độ hỗ trợ trẻ ăn trưa: Học kỳ I năm học 2022 - 2023: Tổng số được hưởng: 861 học sinh; kinh phí: 551.040.000 đồng; Học kỳ II năm học 2022 - 2023: Tổng số được hưởng: 860 học sinh; kinh phí: 688.000.000 đồng;

+ Chế độ theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Học kỳ I năm học 2022-2023; tổng số được hưởng: 213 học sinh; số tiền: 79.131.000 đồng; Học kỳ II năm học 2020-2021; tổng số được hưởng: 195 học sinh; số tiền: 88.886.000 đồng;

+ Đánh giá: Cán bộ, giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ quy định. Các chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác huy động và duy trì số lượng học sinh, nâng cao đời sống cán bộ giáo viên từng bước nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường trên địa bàn huyện, đặc biệt là đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn.

1.4. Chính sách hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Kạn đến năm 2021, định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện làm nhà ở đợt 1 (08 hộ) từ năm 2021, Đợt 2 (28 hộ); Đợt 3 (10 hộ); Hỗ trợ nhà ở theo chương trình của Bộ Quốc phòng 47 hộ.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện triển khai hỗ trợ làm 48 nhà, số kinh phí hỗ trợ 2.400 triệu đồng.

- Năm 2022: Hỗ trợ cho 20.109 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí là 1.025.468 nghìn đồng.

- Năm 2023: Hỗ trợ tiền điện Quý IV năm 2022 và Quý I năm 2023 cho 1425 hộ nghèo với tổng kinh phí là: 509.064.000 đồng.

+ Đánh giá: Chính sách hỗ trợ tiền điện tạo điều kiện cho hộ nghèo đảm bảo điện thấp sáng, tiếp cận thông tin, đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống. Tuy nhiên định mức hỗ trợ còn thấp, cần nâng định mức hỗ trợ trong thời gian tiếp theo.

1.5. Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

+ Phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức truyền thông trên địa bàn huyện Bạch Thông được 10 lớp (850 người) cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng được trợ giúp pháp lý khác; Phòng Tư pháp huyện tổ chức 09 lớp phổ biến, tuyên truyền các chính sách, pháp luật cho 450 người tại 09 xã trên địa bàn huyện.

+ Đánh giá: Chính sách giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người nghèo, góp phần giảm bớt những vụ việc vi phạm pháp luật, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong nhân dân, khẳng định được vị trí, vai trò trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho đông đảo người nghèo, người khuyết tật, các đối tượng yếu thế

1.6. Chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo hưởng thụ văn hoá thông tin.

+ Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành văn bản đơn đốc Trung tâm VH,TT&TT huyện, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền trên sóng truyền thanh, Cổng TTĐT huyện và các hình thức tuyên truyền khác về công tác giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, các Chương trình, dự án phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo...đến với người dân trên địa bàn huyện. Hiện nay trên địa bàn huyện có 117 cụm truyền thanh FM và hữu tuyến, 47 cụm truyền thanh thông minh; trong đó có 107 cụm hoạt động và 47 cụm không hoạt động. Tổng thời lượng truyền thanh trung bình tháng của đài truyền thanh cấp xã: 120 giờ/tháng

+ Đánh giá: Công tác tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, mọi tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách giảm nghèo bằng nhiều hình thức (báo đài, in ternet, tờ rơi...).

*** Tồn tại, hạn chế**

- Một số đơn vị vẫn còn lúng túng trong triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện giảm nghèo hàng năm còn hạn chế so với chỉ tiêu của huyện đã đề ra, công tác giảm nghèo cho người dân vẫn còn nhiều khó khăn và nhiều bất cập.

- Tâm lý ỷ lại của một bộ phận người dân trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước hơn là tìm cách thoát nghèo.

2. Chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với công tác giảm nghèo

*** Kết quả thực hiện:**

- Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể từ huyện đến các xã tuyên truyền, chủ động tham mưu cho ban đại diện Hội đồng

quản trị huyện kịp thời phân bổ chỉ tiêu tín dụng, thực hiện cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi đúng theo quy định. Ngân hàng chính sách xã hội đã tích cực thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn để nguồn vốn vay quay vòng đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, đồng thời phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác tập trung giải ngân các nguồn vốn kịp thời. Cùng với đó, huyện cũng duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ giao dịch lưu động, điểm giao dịch ở các xã, tăng cường công tác tuyên truyền, đảm bảo tốt công tác dân chủ ở cơ sở nhằm giúp các đối tượng vay vốn sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng quy định.

+ Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn: 2.769 hộ

+ Tổng số vốn cho vay: 179,665 triệu đồng.

- Đánh giá: Chính sách có tác động rất lớn đến cơ hội giảm nghèo của hộ gia đình trên địa bàn, góp phần tăng cơ hội thoát nghèo cho các hộ gia đình thể hiện ở việc tham gia các hoạt động khuyến nông của địa phương, số năm đi học thành viên hộ cũng như diện tích đất bình quân mà hộ sở hữu, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm, chất lượng cuộc sống của hộ gia đình tăng lên..... tạo điều kiện cho bà con phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững.

*** Tồn tại, hạn chế.**

- Trình độ dân trí và kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng, vật nuôi của hộ gia đình còn hạn chế, bên cạnh đó hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như: Mưa lớn, lũ lụt, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình.

- Vẫn còn một số hộ vay vốn chưa chấp hành việc trả nợ khi đến hạn, có trường hợp nợ lãi lâu ngày, món vay phải chuyển nợ quá hạn, hộ vay bỏ đi khỏi địa phương... Trình độ dân trí một số thôn vùng sâu người đồng bào dân tộc thiểu số chưa nhận thức đầy đủ về nguồn vốn tín dụng chính sách nên chưa mạnh dạn vay để đầu tư phát triển kinh tế.

- Nhu cầu vay vốn đối với các hộ sinh sống tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới còn cao, trong khi nguồn vốn để người dân có thể tiếp cận lại hạn chế, ít chương trình, ít đối tượng được thụ hưởng.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn về chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tới các thôn, bản của một số tổ chức hội, đoàn thể, tổ trưởng Tổ TK&VV còn rất yếu, dẫn đến tình trạng triển khai cho vay một số chương trình chậm, hồ sơ không đảm bảo theo quy định phải làm đi làm lại nhiều lần gây tốn kém chi phí, thời gian và công sức ... Công tác huy động tiền gửi tổ viên thông qua tổ TK&VV còn thấp.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thuận lợi.

Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp đã chủ động chỉ đạo triển khai các hoạt động hiệu quả; đã kịp thời nắm bắt tình hình để chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương giải quyết các vướng mắc trong quá trình tổ chức và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn huyện. Việc chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo các cấp trong công tác giảm nghèo thường xuyên được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện rất nghiêm túc, hiệu quả và hệ thống, do vậy chỉ tiêu về công tác giảm nghèo của huyện trong năm qua đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đã được các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện đảm bảo, có hiệu quả

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Ở các xã vùng sâu, vùng xa dân cư phân bố không tập trung, thường xuyên bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch bệnh, giá cả các mặt hàng nông sản thấp, khi được giá thì không được mùa, được mùa thì mất giá...

- Các dự án, chính sách chưa phát huy được hiệu quả của chương trình, một số dự án không đạt yêu cầu như mục đích đề ra.

- Công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo thường xuyên ở các địa phương còn chậm, tình trạng nghèo phát sinh hàng năm còn nhiều, hộ nghèo là người dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ cao.

- Đối với Tiểu dự án 2, dự án 3 hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng theo hướng dẫn tại Công văn số 1098/KSBT-DD ngày 9/6/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn, một số nội dung hoạt động chỉ triển khai tại các huyện nghèo nên sẽ khó khăn trong việc giải ngân.

- Hoạt động cung cấp sản phẩm dinh dưỡng: Đơn vị đang gặp khó khăn do không tìm được sản phẩm dinh dưỡng có thành phần và liều lượng theo đúng hướng dẫn tại Quyết định 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế.

- Cán bộ thực hiện Chương trình chưa được tập huấn nên trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm

- Nêu cao tinh thần của người dân đặc biệt là bản thân người nghèo phải có khát vọng thoát nghèo, không còn tư tưởng ỷ lại nhà nước.

- Tích cực tuyên truyền nêu cao tinh thần xã hội hóa trong nhân dân, vận động nhân dân góp sức trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng đối tượng, mỗi loại đối tượng có những chính sách, giải pháp hỗ trợ phù hợp với điều kiện của từng đối tượng.

- Sử dụng nguồn lực phải đúng đối tượng, đúng mục tiêu mới đạt hiệu quả cao trong công tác giảm nghèo.

VI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND tỉnh mở rộng đối tượng hưởng lợi từ chính sách khuyến khích thoát nghèo hiện nay, vì hiện nay số hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ cơ bản, hộ cận nghèo mới phát sinh sau năm 2020 điều kiện kinh tế rất khó khăn cần có sự hỗ trợ, tạo động lực để họ thoát nghèo...

- Đơn giản hoá thủ tục giải ngân các nguồn vốn để kịp thời thực hiện cung cấp cây, con giống kịp thời vụ.

- Tập huấn chuyên môn cho nhân viên y tế tuyến huyện và tuyến xã về các nội dung hoạt động trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng các biểu mẫu, phiếu điều tra để các đơn vị triển khai thực hiện điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ từ 6 đến dưới 16 tuổi.

- Đề nghị Sở Y tế có ý kiến với Bộ Y tế xem xét bổ sung mở rộng liều lượng các sản phẩm dinh dưỡng trong hướng dẫn theo Quyết định 4944/QĐ-BYT.

VII. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Có các biểu số liệu kèm theo từ Biểu 01, Biểu số 02, biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05, Biểu số 06, Biểu số 07, Biểu số 08, Biểu số 09, Biểu số 10, Biểu số 11, Biểu số 12, Biểu số 13, Biểu số 14, Biểu số 15.

Trên đây là báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bạch Thông./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Lao động-TB&XH;
- Các TV BCĐ CTMT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Luân